

BÁO CÁO TÓM TẮT

**NGÀNH  
MÁY MÓC - THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP  
VÀ CHUỖI CUNG ỨNG ĐẦU TƯ  
TẠI VIỆT NAM**

---

**2024**

# Mục lục

- 
- |   |  |          |
|---|--|----------|
| 1 | Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam                 | Trang 04 |
| 2 | Thị trường Máy móc – Thiết bị công nghiệp tại Việt Nam     | Trang 07 |
| 3 | Các yếu tố thuận lợi giúp Việt Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư | Trang 14 |
| 4 | Các dự án Máy móc – Thiết bị sắp triển khai                | Trang 25 |
| 5 | Một số dự án Máy móc – Thiết bị nổi bật tại Việt Nam       | Trang 28 |
-



Tôn Colorbond®

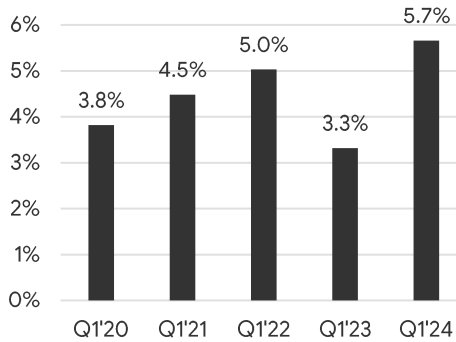
# I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

## PHẦN 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

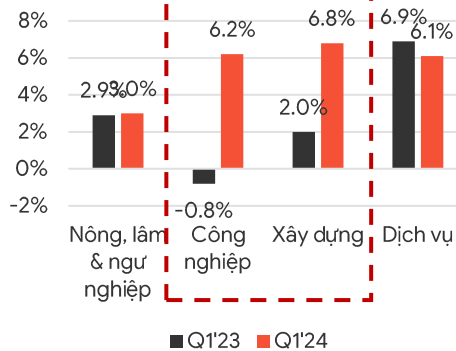
### 1. Tăng trưởng GDP, Lạm phát, Tỷ giá, IIP & PMI

#### Công nghiệp & Xây dựng thúc đẩy tăng trưởng GDP trong Q1/24

Tăng trưởng GDP Q1'24 ghi nhận mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây



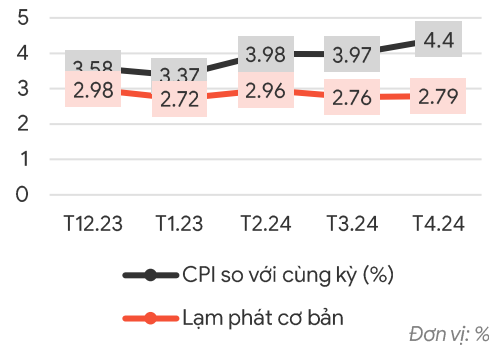
Sự cải thiện tăng trưởng GDP tại khu vực Công nghiệp & Xây dựng mang lại động lực GDP trong Q1



Nguồn: Tổng cục Thống kê

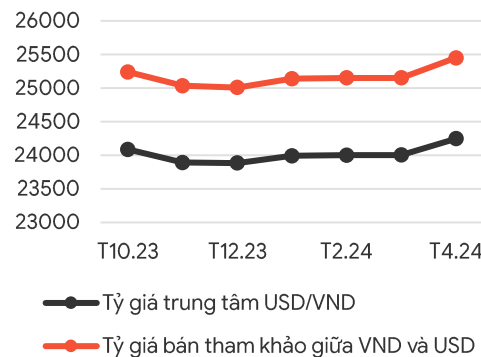
#### Lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, tỷ giá tăng trở lại vào Q1/24

Áp lực lạm phát đang gia tăng vào đầu năm, song vẫn nằm trong tầm kiểm soát của Quốc hội



Đơn vị: %

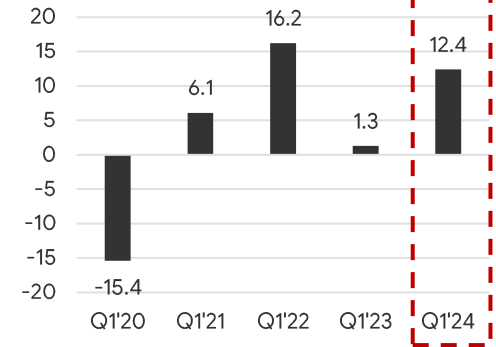
Tỷ giá tăng trở lại mang đến nhiều thách thức, song được dự báo giảm từ Q3'24 khi FED giảm lãi suất



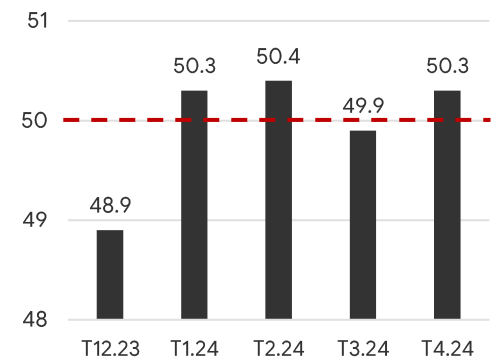
Nguồn: SBV, Tổng cục Thống kê

#### Chỉ số IPP được kỳ vọng sẽ tăng, PMI cải thiện trong Quý 1 2024

Mức tăng IPP vào Quý 1 cao thứ 2 trong vòng 5 năm, và được kỳ vọng tăng vào các tháng còn lại của 2024



PMI cải thiện trong Tháng 4/2024, mang lại tín hiệu khả tích cực cho sản xuất Công nghiệp Việt Nam

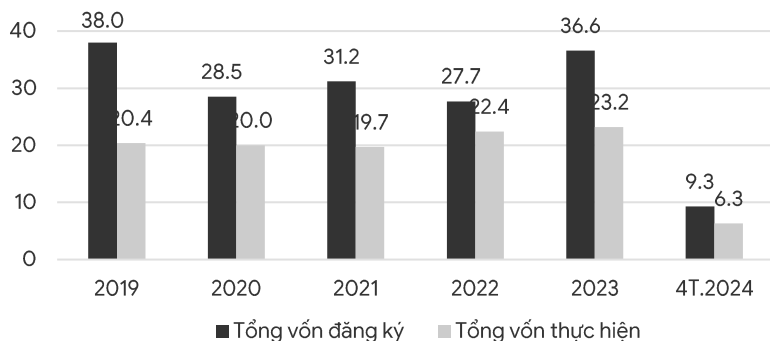


Nguồn: Tổng cục Thống kê, S&P Global Intelligence

## PHẦN 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

### 2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài & Xuất nhập khẩu

Thu hút FDI cải thiện đáng kể vào 2023, mặc dù lạm phát cao tại nhiều nước. Vốn cấp mới trong 4 tháng đầu 2024 tăng trưởng mạnh, phản ánh mức độ hấp dẫn của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê

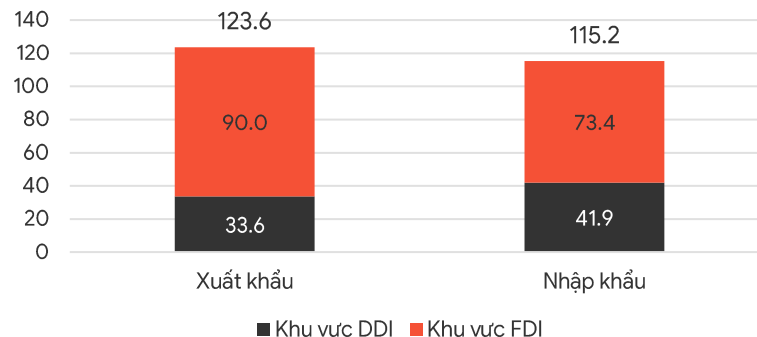
Đơn vị: Tỷ USD

Năm 2023, tình hình thu hút vốn FDI đã được cải thiện hơn rất nhiều so với giai đoạn 2020 - 2022. Mặc dù đây là năm ghi nhận lạm phát cao tại nhiều nước, song vốn đầu tư FDI vào Việt Nam tăng 32.1% so với năm 2022, đạt 36.6 tỷ USD. Đặc biệt vốn thực hiện đạt cao nhất trong 5 năm, 23.2 tỷ USD.

Năm 2024 mới trôi qua 4 tháng nhưng thu hút vốn FDI đã thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ. Giá trị tổng vốn đăng ký 4 tháng đầu năm ghi nhận 9.3 tỷ USD (tăng 4.5% so với cùng kỳ năm trước) và tổng vốn thực hiện đạt 6.3 tỷ USD (tăng 7.4% so với cùng kỳ 2023).

Sự tăng trưởng mạnh mẽ của nguồn vốn cấp mới trong 4 tháng đầu với 966 dự án đăng ký cấp mới (tăng 28.8% so với cùng kỳ) và tổng giá trị vốn cấp mới ghi nhận 7.1 tỷ USD (tăng 73.2% so với cùng kỳ). Trong bối cảnh dòng vốn đầu tư toàn cầu còn gặp nhiều khó khăn thì mức tăng trưởng của nguồn vốn cấp mới tại Việt Nam đã phản ánh mức độ hấp dẫn đầu tư của Việt Nam, là điểm đến lý tưởng của các Nhà đầu tư quốc tế.

Xuất nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2024 tăng trưởng tốt. Máy móc - Thiết bị là nhóm hàng đứng thứ hai về giá trị nhập khẩu và thứ 3 về giá trị xuất khẩu, cho thấy tiềm năng và cơ hội lớn cho các nhà sản xuất



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đơn vị: Tỷ USD

Sau quãng thời gian giảm về giá trị xuất nhập khẩu do số lượng đơn hàng giảm, nhu cầu tiêu thụ của các nước lớn đặc biệt giảm mạnh thì 4 tháng đầu năm 2024 cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đều ghi nhận tăng trưởng tốt. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu **8.4 tỷ USD**.

Hoa Kỳ, Trung Quốc và Châu Âu vẫn là các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam 4 tháng đầu năm 2024, trong đó tăng trưởng xuất khẩu sang Hoa Kỳ đạt cao nhất.

Trong khi đó 4 tháng đầu năm nay, Việt Nam nhập chủ yếu từ Trung Quốc (tăng 25% so với cùng kỳ 2023), theo sau là Hàn Quốc và các nước khối ASEAN. Với lợi thế về độ mở nền kinh tế lớn các doanh nghiệp tại Việt Nam sẽ có tiềm năng và ưu thế xuất nhập khẩu lớn

Trong số các nhóm hàng xuất nhập khẩu chính, máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng khác đứng thứ ba về giá trị xuất khẩu và đứng thứ hai về giá trị nhập khẩu.



**II. THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC –  
THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VIỆT  
NAM**

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 1. Dung lượng thị trường Máy móc – Thiết bị

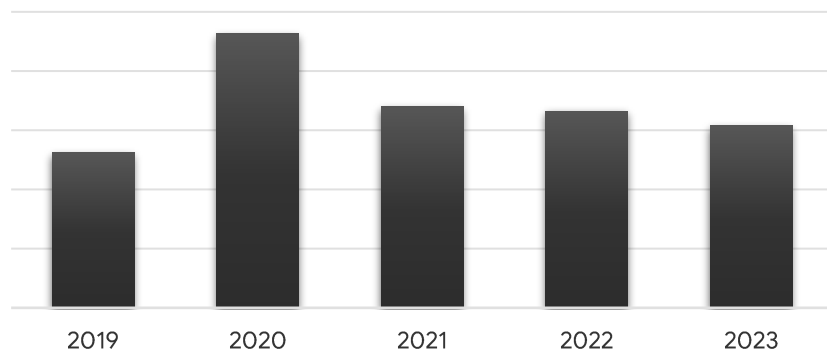
#### Thị trường Máy móc – Thiết bị Việt Nam

*Nền kinh tế vận động cùng với nhu cầu sản xuất hàng hóa tăng cao là cơ sở để ngành sản xuất máy móc và thiết bị phát triển.*

Việt Nam ghi nhận ngày càng nhiều dự án đầu tư sản xuất, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài và trong nước đều có xu hướng tăng trưởng, đặc biệt trong các ngành sản xuất mũi nhọn như điện tử, kim loại, nhựa-cao su, v.v. Thực tế này làm gia tăng nhu cầu sử dụng máy móc và thiết bị đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Giá trị thị trường máy móc thiết bị Việt Nam năm 2023 giảm nhẹ so với năm 2022. Thị trường máy móc thiết bị Việt Nam đạt đỉnh năm 2020 với giá trị thị trường ước tính khoảng 92.6 tỷ USD (tăng mạnh so với năm 2019). Tuy nhiên bị tăng cao. Đây là giai đoạn theo nghiên cứu của chúng tôi, giá trị thị trường năm 2020 tăng mạnh chủ yếu do giá thành của các loại máy móc thiết bị nền kinh tế và sản xuất toàn cầu bị ảnh hưởng bởi sự đứt gãy chuỗi cung ứng gây nên do dịch Covid-19 (năm 2020 ước tính giá trị máy và thiết bị trung bình tăng so với năm 2019).

**Biểu đồ: Giá trị thị trường Máy móc – Thiết bị Việt Nam, 2019 - 2023 (Tỷ USD)**



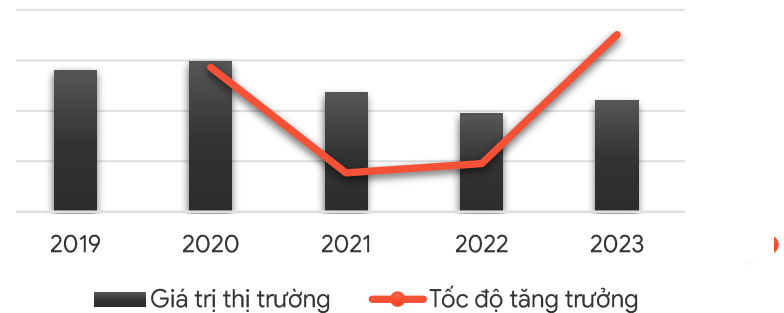
Nguồn: HOUSELINK Research

#### Thị trường Máy móc – Thiết bị công nghiệp

*Ngành máy móc thiết bị gồm các phân ngành như: Nông nghiệp, Công nghiệp, Xây dựng, Dân dụng, v.v. Trong đó thị trường máy móc và thiết bị công nghiệp chiếm trung bình khoảng 19% tổng thị trường máy móc và thiết bị chung. Ngành máy móc và thiết bị công nghiệp chủ yếu bao gồm các loại máy móc và thiết bị sử dụng trong sản xuất và vận hành công nghiệp.*

Từ năm 2019-2022 xu hướng tăng trưởng của thị trường máy móc thiết bị công nghiệp khá sát với xu hướng chung của ngành máy móc thiết bị khi ghi nhận dung lượng thị trường giảm từ 2020-2022.

**Biểu đồ: Giá trị thị trường Máy móc – Thiết bị công nghiệp Việt Nam, 2019 - 2023 (Tỷ USD)**



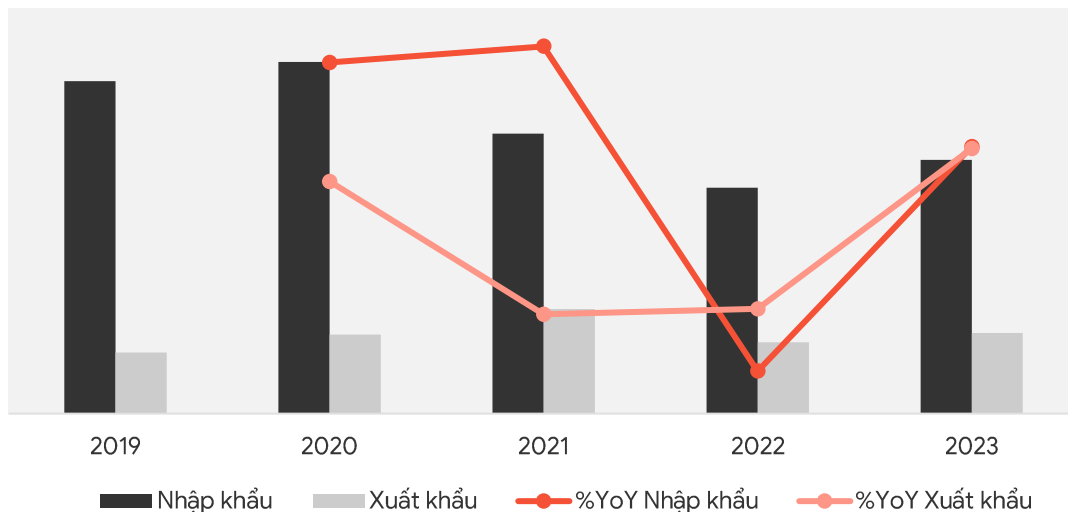
Nguồn: HOUSELINK Research

Năm 2023 mặc dù thị trường máy móc thiết bị chung vẫn ghi nhận sự sụt giảm về dung lượng thị trường nhưng riêng mảng máy móc và thiết bị công nghiệp ghi nhận mức tăng so với năm 2022 nhờ động lực tăng cường đầu tư của các dự án sản xuất tại Việt Nam trong năm này. Sang năm 2024 với tình hình thu hút đầu tư các dự án sản xuất cả FDI và DDI đều tăng trong 4 tháng đầu năm là động lực lớn cho thị trường máy móc và thiết bị công nghiệp.

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 2. Tình hình Xuất & Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị

Biểu đồ: Quy mô thị trường Xuất & Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị công nghiệp, 2019 – 2023 (Tỷ USD)



**“Ngành máy móc và thiết bị công nghiệp của Việt Nam vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu”.**

Theo đó nhập khẩu chiếm từ 68%-70% tổng giá trị ngành, chỉ có khoảng 30%-32% là sản xuất trong nước.

Có thể thấy ngành máy móc và thiết bị công nghiệp tại Việt Nam đang có nhu cầu rất lớn, Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng để doanh nghiệp tập trung đầu tư phát triển trong tương lai.

Nguồn: Tổng cục Hải quan, HOUSELINK Research

Trên thực tế số liệu cho thấy, nhập khẩu máy móc và thiết bị công nghiệp vào Việt Nam đang có xu hướng giảm. Nhưng xu hướng này diễn ra do tác động từ sự vận động và nền kinh tế bên ngoài tác động đến nhu cầu nhập khẩu là chính. Theo đó năm 2021 và 2022 nhập khẩu máy móc và thiết bị công nghiệp giảm. Đến năm 2023 tình hình nhập khẩu đã bắt đầu có sự quay đầu và tăng trưởng trở lại (tăng so với năm 2022). Mặc dù giá trị nhập khẩu vẫn thấp hơn so với giai đoạn trước dịch nhưng với sự phục hồi chậm của nền kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng thì việc tăng trưởng nhập khẩu cũng cho thấy tiềm năng thị trường ngành tại Việt Nam cũng bắt đầu có sự phục hồi.

Mặc dù nhập khẩu nhiều nhưng giá trị xuất khẩu máy móc và thiết bị công nghiệp của Việt Nam vẫn khá thấp so với nhập khẩu. Trung bình giá trị xuất khẩu chỉ bằng 30% giá trị nhập khẩu sản phẩm. Xuất khẩu có xu hướng tăng giai đoạn 2019-2021. Năm 2021 ghi nhận tăng trưởng xuất khẩu mạnh nhất trong 5 năm (tăng so với năm 2020). Xuất khẩu giảm hẳn vào năm 2022 do nhu cầu giảm nhưng trị giá xuất khẩu vẫn cao hơn so với năm 2019. Năm 2023 xuất khẩu cũng ghi nhận sự phục hồi như nhập khẩu. Giá trị xuất khẩu năm 2023 tăng so với năm 2022.

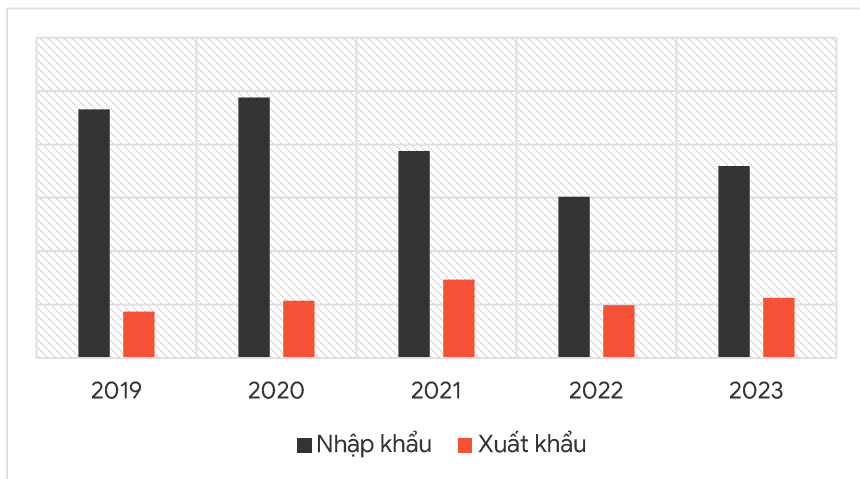
## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 2. Tình hình Xuất & Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị

Đối với thị trường nhập khẩu máy móc thiết bị công nghiệp, máy nguyên chiếc chiếm tỷ trọng cao (thường chiếm hơn 80% tổng giá trị nhập khẩu máy móc và thiết bị công nghiệp). Do đó cũng cùng chung xu hướng với máy móc và thiết bị công nghiệp chung, sản phẩm máy nguyên chiếc đều có xu hướng phục hồi nhẹ cả xuất và nhập khẩu vào năm 2023 sau thời gian giảm giai đoạn dịch bệnh.

Tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu của sản phẩm máy và thiết bị nguyên chiếc có phần nhỉnh hơn so với các sản phẩm nội chung. Cụ thể nhập khẩu sản phẩm máy và thiết bị nguyên chiếc năm 2023 tăng 19% và xuất khẩu tăng 14% so với năm 2022.

**Biểu đồ: Quy mô Xuất & Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị Công nghiệp nguyên chiếc, 2019 - 2023 (Tỷ USD)**

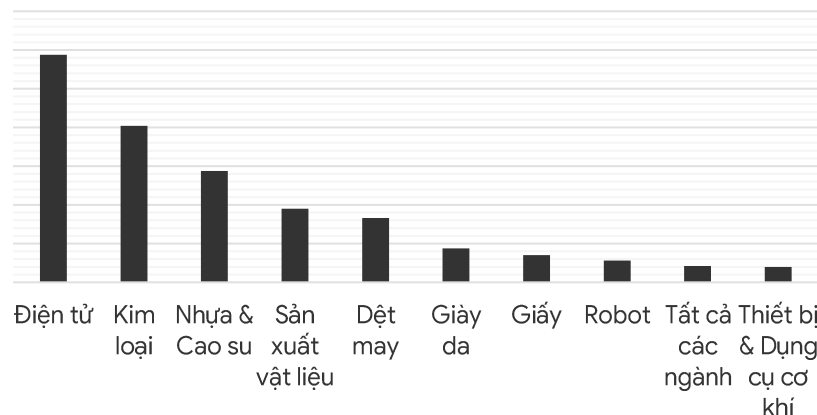


Nguồn: Tổng cục Hải quan, HOUSELINK Research

Xét về loại máy móc và thiết bị nguyên chiếc, sản phẩm dùng trong ngành điện tử đang được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 29% tổng giá trị nhập khẩu máy nguyên chiếc vào Việt Nam. Theo sau là các loại máy móc và thiết bị ứng dụng trong các ngành: kim loại, nhựa-cao su, sản xuất vật liệu, dệt may, v.v.

Khoảng cách thị phần giữa các ngành ứng dụng là khá lớn. Con số này cũng tương ứng với tình hình đầu tư của các ngành sản xuất tương ứng vào thị trường Việt Nam thời gian qua, khi điện tử là ngành nghề thu hút đầu tư nhiều nhất. Các ngành như kim loại hay Nhựa - Cao su cũng tăng trưởng thu hút đầu tư cả về số lượng và quy mô.

**Biểu đồ: Top 10 ngành Máy móc – Thiết bị Công nghiệp nhập khẩu nguyên chiếc, 2019 - 2023 (Tỷ USD)**



Nguồn: Tổng cục Hải quan, HOUSELINK Research

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

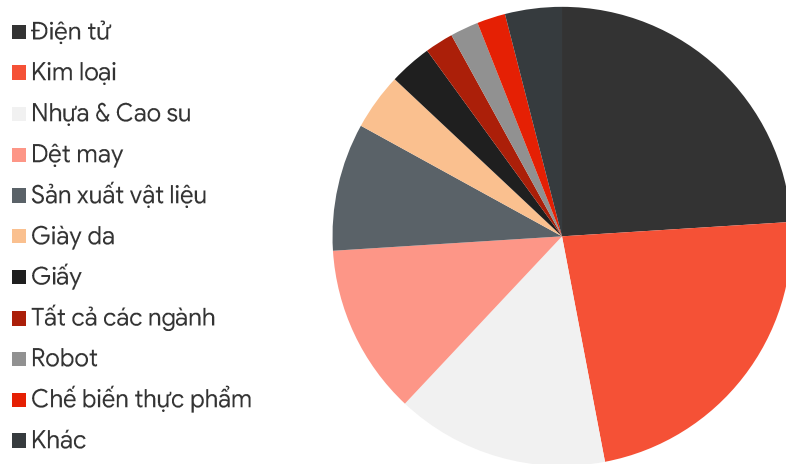
### 2. Tình hình Xuất & Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị

Bên cạnh các ngành ứng dụng nhiều như điện tử, kim loại, nhựa & cao su luôn xếp top thị phần ngành ứng dụng sản phẩm máy móc và thiết bị công nghiệp, thị sản phẩm robot đang có xu hướng tăng nhanh nhập khẩu qua từng năm.

Theo đó thời điểm năm 2019, robot chỉ đứng thứ 9 về thị phần nhập khẩu thì đến năm 2023 nhập khẩu robot đứng thứ 5 về thị phần, vượt qua các ngành truyền thống như dệt may, giấy, da giày.

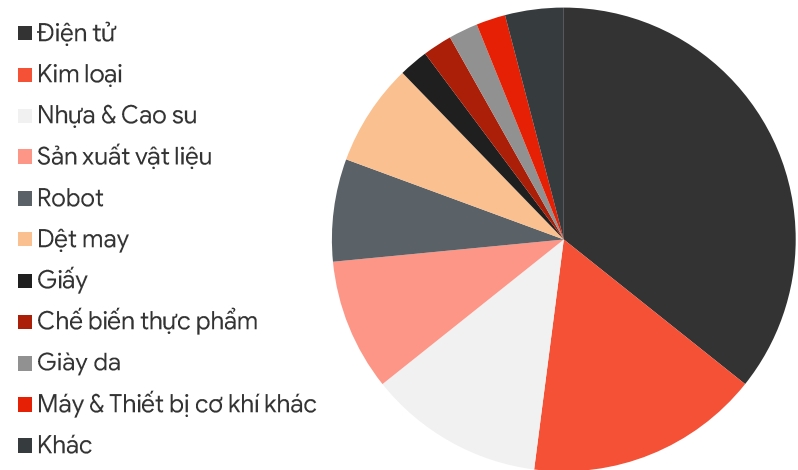
Có thể thấy trong tương lai phân khúc hứa hẹn nhất của mảng máy móc thiết bị công nghiệp sẽ là robot và máy móc tự động hóa. Theo khảo sát của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), từ năm 2018 đến năm 2020, 67% nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đã tự động hóa một phần hoạt động của mình, trong khi 75% có kế hoạch tự động hóa các nhiệm vụ mới trong 3 năm tới. Hướng đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang thực sự được các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện và triển khai nhanh chóng.

**Biểu đồ: Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị Công nghiệp nguyên chiếc theo ngành, 2019**



Nguồn: Tổng cục Hải quan, HOUSELINK Research

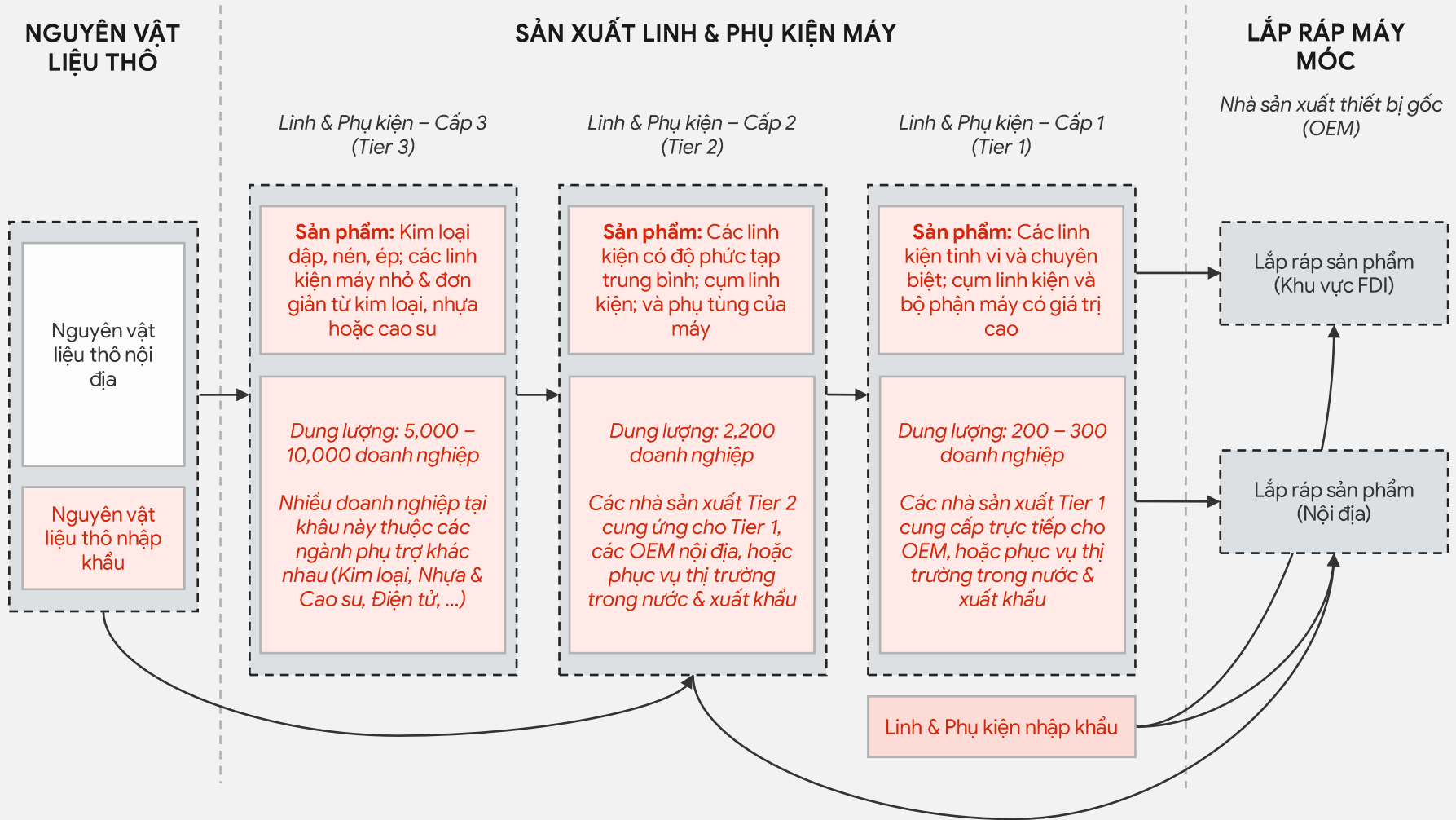
**Biểu đồ: Nhập khẩu Máy móc – Thiết bị Công nghiệp nguyên chiếc theo ngành, 2023**



Nguồn: Tổng cục Hải quan, HOUSELINK Research

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 3. Phân tích chuỗi cung ứng đầu tư Máy móc – Thiết bị

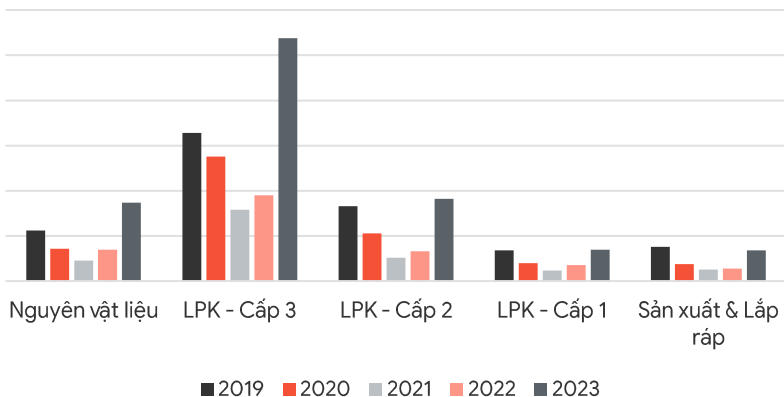


Nguồn: International Labour Organisation, HOUSELINK Research

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

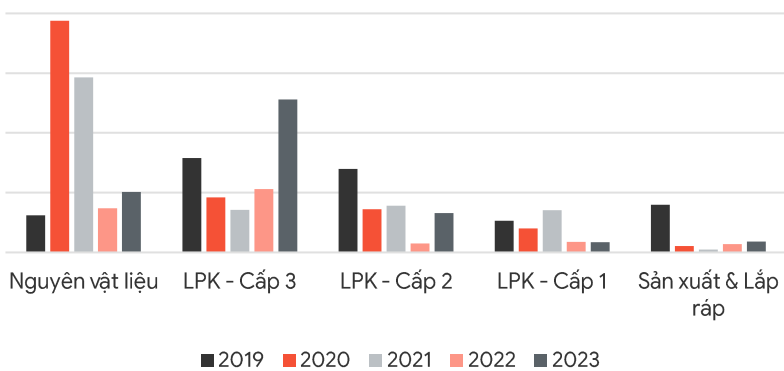
### 3. Phân tích chuỗi cung ứng đầu tư Máy móc – Thiết bị

**Biểu đồ: Số lượng dự án (FDI & DDI) đăng ký theo từng công đoạn của chuỗi cung ứng, 2019 – 2023**



Nguồn: HOUSELINK Data

**Biểu đồ: Tổng vốn đăng ký (FDI & DDI) theo từng công đoạn của chuỗi cung ứng, 2019-23 (Tỷ USD)**



Nguồn: HOUSELINK Data

Có thể thấy, về số lượng dự án, tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng Máy móc – Thiết bị cùng chia sẻ một hình mẫu chung: Giảm mạnh trong giai đoạn 2019 – 2021 và phục hồi vào 2022 – 2023.

- Giai đoạn 2019 – 2021, số lượng dự án ghi nhận lao dốc qua từng năm và cùng chậm đáy vào 2021, do những tác động tiêu cực của dịch bệnh tại Việt Nam và các quốc gia đầu tư chủ đạo như Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản.
- Giai đoạn 2022 – 2023 đã cho thấy sự phục hồi tại tất cả các khâu. Số lượng dự án trong năm 2023 tăng mạnh và vượt mốc trước dịch bệnh 2019 tại khâu Nguyên vật liệu, Linh phụ kiện (LPK) – Cấp 3, 2 và 1. Tuy nhiên, khâu Sản xuất & Lắp ráp lại cho thấy mức tăng chưa phục hồi so với mốc của năm 2019.

Sự phục hồi và tăng mạnh của 3 khâu đầu chuỗi cung ứng: Nguyên vật liệu, LPK – Cấp 3, và LPK – Cấp 2 được giải thích bởi sản phẩm thuộc các khâu này (các sản phẩm Kim loại, Nhựa & Cao su, Điện tử, Thiết bị điện, ...) có thể được ứng dụng linh hoạt như các sản phẩm phụ trợ cho các ngành công nghiệp khác, không chỉ riêng ngành Máy móc – Thiết bị công nghiệp.

Tính chuyên biệt hóa cao ở khâu LPK – Cấp 1 khiến sản phẩm cuối cùng của nó có ít sự linh hoạt hơn ngoài việc cung cấp bộ phận và cụm linh kiện đặc thù cho việc lắp ráp máy móc tại các OEM (Nhà sản xuất gốc) ở khâu Lắp ráp. Do đó, sự cộng hưởng của các ngành ứng dụng khác lên khâu này sẽ ít hơn.

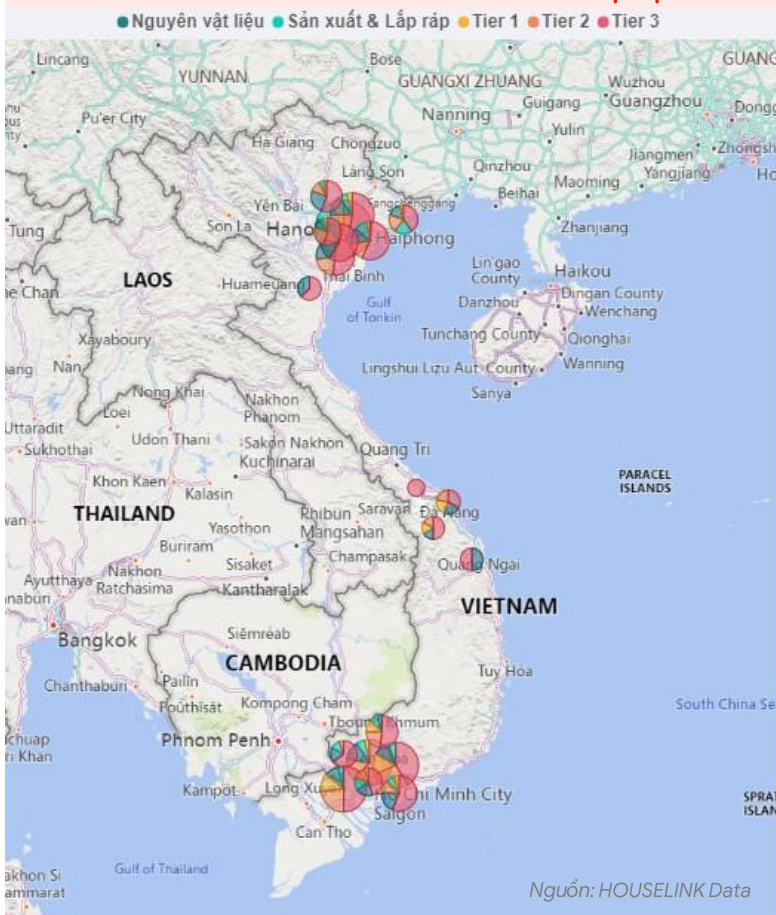
Số lượng dự án khâu Sản xuất & Lắp ráp thấp do phần lớn các dự án đầu tư FDI tại công đoạn này nhằm mục đích lắp ráp và cung ứng máy móc cho các đối tác và khách hàng của họ tại thị trường Việt Nam, thay vì cung cấp cho đại bộ phận thị trường.

Nguồn cung nội địa thiếu đã đặt áp lực lên nhập khẩu từ bên ngoài để đáp ứng nhu cầu khổng lồ của thị trường trong nước: Việt Nam duy trì nhập siêu máy móc – thiết bị qua tất cả các năm. Do đó, thị trường tiêu thụ máy của Việt Nam còn rất nhiều dư địa, các khâu cuối cùng như LPK – Cấp 1 và Sản xuất & Lắp ráp đang ở giai đoạn rất sơ khai.

## PHẦN 2: THỊ TRƯỜNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

### 3. Phân tích chuỗi cung ứng đầu tư Máy móc – Thiết bị

#### BẢN ĐỒ CHUỖI CUNG ỨNG MÁY MÓC – THIẾT BỊ VIỆT NAM



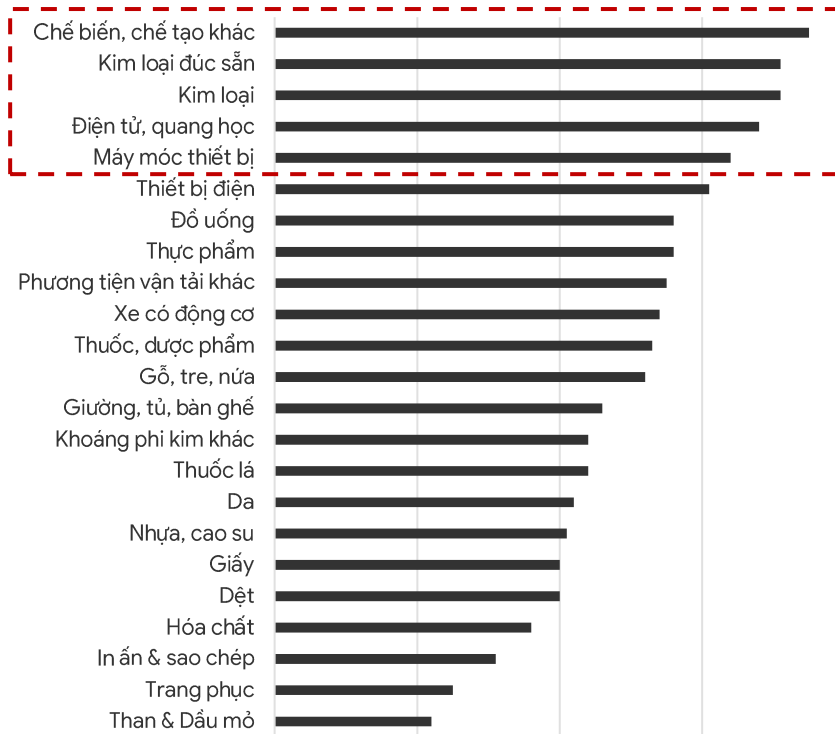
Các dự án thuộc các khâu trong chuỗi cung ứng Máy móc – Thiết bị tập trung chủ yếu tại các tỉnh thành phía Bắc và phía Nam.

Trong đó, Bắc Ninh dẫn đầu về số lượng dự án tại tất cả các khâu. Theo sau là Bình Dương, Bắc Giang, Đồng Nai, và Long An.

Ngành nghề ứng dụng máy móc được phân loại dựa trên dữ liệu về sản phẩm Máy móc – Thiết bị công nghiệp hoàn chỉnh của các dự án FDI tại khâu Sản xuất & Lắp ráp trong giai đoạn 2019 – 2023

Có thể thấy, Chế biến & Chế tạo khác, Kim loại đúc sẵn, Kim loại, Điện tử & Quang học, và Máy móc thiết bị là 5 ngành sản xuất công nghiệp có thể ứng dụng máy móc từ nhiều dự án tại khâu Sản xuất & Lắp ráp cuối cùng nhất.

**Biểu đồ: Số lượng dự án FDI Sản xuất & Lắp ráp Máy móc – Thiết bị công nghiệp theo các ngành nghề ứng dụng, 2019 - 2023**



Source: HOUSELINK Data



### III. CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ

### PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

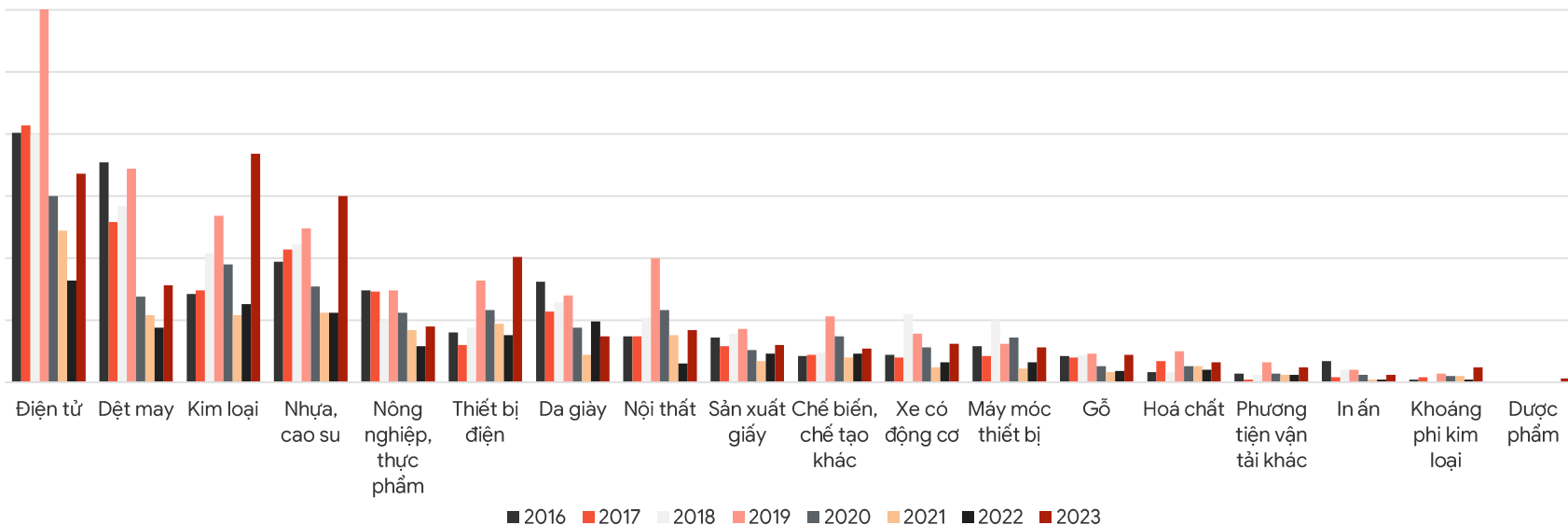
#### 1. Xu hướng tăng trưởng thu hút các dự án đầu tư nước ngoài

Duy trì xu hướng tăng trưởng về đầu tư trong giai đoạn 2016 – 2019, và vươn lên phục hồi sau đại dịch, ngành Điện tử, Nhựa & Cao su, Kim loại và các sản phẩm kim loại, Nội thất, Chế biến chế tạo khác, Xe có động cơ & phương tiện vận tải khác, Máy móc thiết bị và Hóa chất được kỳ vọng sẽ tiếp nối xu hướng khách quan này trong những năm tiếp theo.

Giai đoạn 2020 – 2021, nền kinh tế và dòng vốn FDI nói chung, tình hình đầu tư tại các ngành sản xuất nói riêng cùng chứng kiến sự lao dốc do những tác động tiêu cực của Covid-19 tại Việt Nam và các quốc gia đầu tư. Sự sụt giảm mạnh mẽ này được nhận định đến từ nhân tố ngoại lai, do đó nó không phản ánh xu hướng đầu tư đi xuống trong dài hạn.

Giai đoạn 2022 – 2023, Covid-19 đã đi qua, tái khởi động một vòng đời đầu tư mới sau sự gián đoạn từ cú sốc dịch bệnh, xu hướng khách quan từ giai đoạn 2016 – 2019 lại được thể hiện một lần nữa khi số lượng dự án đầu tư cho thấy sự phục hồi và vươn lên mạnh mẽ.

**Biểu đồ: Số lượng dự án đầu tư theo các ngành sản xuất, 2016-23**



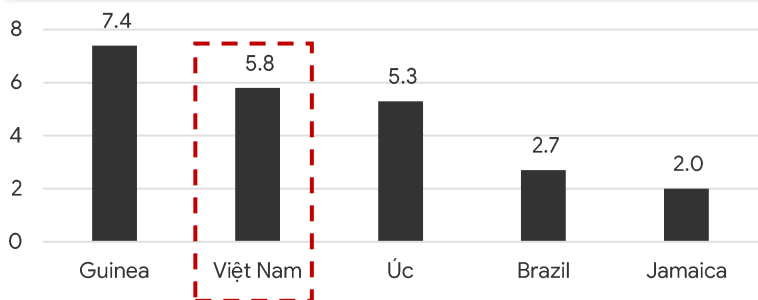
Nguồn: HOUSELINK Data

## PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

### 2. Việt Nam ngày càng đẩy mạnh sự tham gia vào chuỗi cung ứng ngành

#### 2.1. Đẩy mạnh nguồn cung Nguyên vật liệu thô

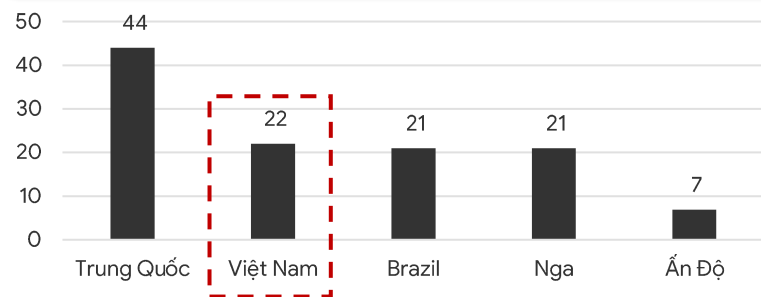
Việt Nam đứng thứ 2 toàn cầu về trữ lượng quặng Bô-xít, được sử dụng để sản xuất Nhôm – một nguyên vật liệu đầu vào quan trọng để sản xuất Linh & Phụ kiện cho ngành Máy móc – Thiết bị



Nguồn: Statista

Đơn vị: Triệu tấn

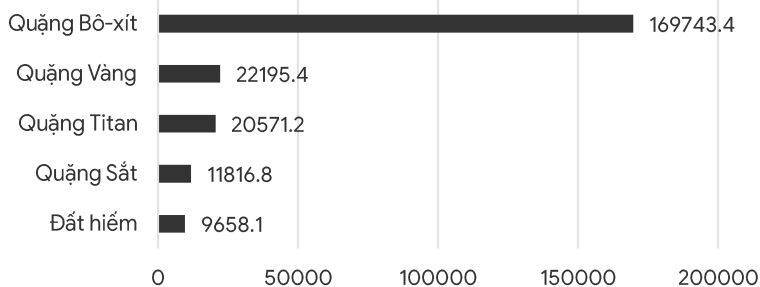
Việt Nam đứng thứ 2 toàn cầu về trữ lượng đất hiếm, sử dụng để sản xuất Nam châm vĩnh cửu, Kính, hay Vật liệu siêu dẫn – các sản phẩm phụ trợ quan trọng trong chuỗi cung ứng Máy móc – Thiết bị



Nguồn: Statista

Đơn vị: Triệu tấn

Trong tiến trình từ 2021 tới năm 2030, Việt Nam đang ưu tiên đẩy mạnh các dự án mới khai thác quặng Bô-xít (theo diện tích), tạo nguồn cung dồi dào cho chuỗi cung ứng Máy móc – Thiết bị



Nguồn: HOUSELINK Research

Đơn vị: Héc-ta (Ha)

Sự tham gia của khu vực DDI với các dự án sản xuất thép, gang và sắt có tổng mức đầu tư lớn được kỳ vọng sẽ đóng góp vào chuỗi cung ứng ngành



#### Nhà máy sản xuất thép Hòa Phát II (2020)

- Tổng vốn đầu tư: 3.4 tỷ USD
- Sản phẩm: Sắt, Thép, Gang



#### Nhà máy sản xuất thép Xuân Thiện (2021)

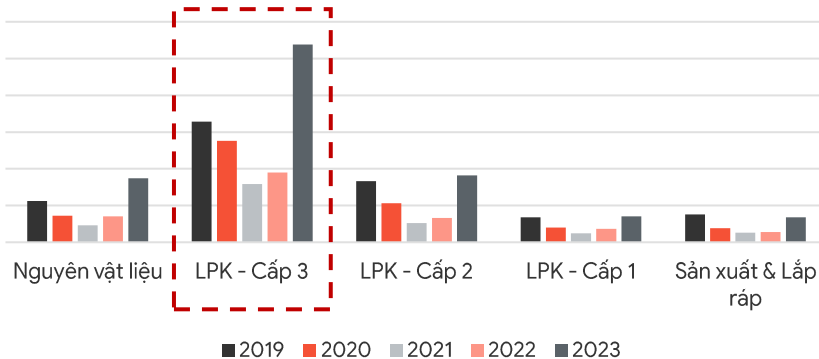
- Tổng vốn đầu tư: 2.7 tỷ USD
- Sản phẩm: Sắt, Thép, Gang xanh

### PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

## 2. Việt Nam ngày càng đẩy mạnh sự tham gia vào chuỗi cung ứng ngành

### 2.2. Khâu sản xuất Linh Phụ kiện – Cấp 3 (Tier 3) ghi nhận thu hút đầu tư nổi trội nhất

**Biểu đồ: Số lượng dự án (FDI & DDI) đăng ký theo từng công đoạn của chuỗi cung ứng, 2019 – 2023**



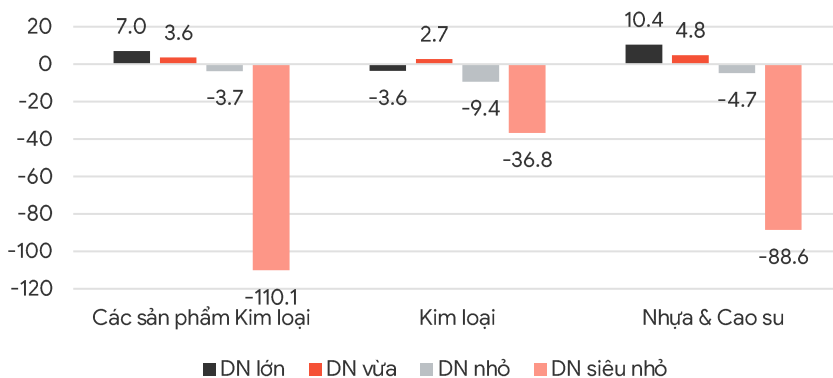
Nguồn: HOUSELINK Data

Có thể thấy, khâu sản xuất và gia công Linh Phụ kiện (LPK) – Cấp 3 đã ghi nhận hoạt động đầu tư “sôi động” nhất khi số lượng dự án tăng năm, cả trong giai đoạn dịch bệnh, đều đạt mức lớn nhất so với các công đoạn khác trong chuỗi cung ứng.

Sự tham gia mạnh mẽ của cả khu vực FDI và DDI vào khâu LPK – Cấp 3 cho thấy Việt Nam đang sở hữu những lợi thế mạnh mẽ trong về việc gia công, xử lý kim loại cũng như chế tạo các linh kiện máy móc nhỏ và đơn giản. Điều đó có nghĩa chất lượng của các sản phẩm đầu ra tại khâu này phần nào được đảm bảo nhằm cung ứng cho các nhà sản xuất khác ở hạ nguồn.

Số lượng dự án nổi trội cũng hàm ý năng lực cung ứng đầy đủ và tương đối hoàn thiện linh phụ kiện giản đơn về mặt số lượng cho ngành Máy móc – Thiết bị, đặt nền tảng vững chắc cho sự gia nhập của các công ty khác vào các công đoạn cao hơn trong chuỗi cung ứng.

**Biểu đồ: Tỷ suất lợi nhuận so với doanh thu thuần của doanh nghiệp FDI theo một số ngành và theo quy mô doanh nghiệp, 2021 (%)**



Nguồn: Tổng cục Thống kê, HOUSELINK Research

Xét các doanh nghiệp có nguồn vốn FDI hoạt động trong ngành Kim loại, Các sản phẩm từ kim loại, và Nhựa & Cao su (đã bao hàm các nhà sản xuất hoạt động tại Tier 3 trong chuỗi cung ứng) vào năm 2021, hầu hết các doanh nghiệp có quy mô từ Siêu nhỏ tới Nhỏ đều ghi nhận tỷ suất lợi nhuận âm, đặc biệt là doanh nghiệp Siêu nhỏ do 2021 là năm ghi nhận những tác động nặng nề nhất từ Covid-19. Các doanh nghiệp có quy mô từ Vừa tới Lớn cho thấy tình hình kinh doanh khả quan hơn khi phần lớn công ty trong ngành ghi nhận mức tỷ suất lợi nhuận dương, do sở hữu những lợi thế về nền tảng khách hàng lớn cả về số lượng và quy mô, đa dạng từ phục vụ thị trường nội địa với thị trường xuất khẩu.

Song, trong bối cảnh thị trường hàng hóa chững lại khiến hoạt động sản xuất bị đình trệ vào năm 2021, việc các ngành chứng kiến tỷ suất lợi nhuận thấp hoặc âm không phản ánh chính xác tiềm năng của thị trường như nó vốn là. Sở dĩ, nhu cầu ngành Máy móc và Thiết bị diễn biến cùng chiều với thị trường hàng hóa. Do đó, khi nền kinh tế đi vào pha Phục hồi, hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc ngành phụ trợ sẽ được cộng hưởng và cải thiện.

PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

**2. Việt Nam ngày càng đẩy mạnh sự tham gia vào chuỗi cung ứng ngành**

**2.3. Xu hướng đầu tư tại các Tier 2, Tier 1 và Sản xuất & Lắp ráp đã được định hình**

Vị trí trên chuỗi cung ứng	Quốc gia đầu tư	Vốn đầu tư	Loại hình đầu tư	Địa điểm đầu tư	Cơ sở hạ tầng lựa chọn
<b>Sản xuất Linh &amp; Phụ kiện – Cấp 2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hàn Quốc</li> <li>Trung Quốc</li> <li>Hồng Kông</li> <li>Nhật Bản</li> <li>Đài Loan</li> </ul>	Đa số (75%) các dự án có vốn đầu tư từ <b>7 triệu USD</b> trở xuống	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước 2021, các dự án Thuê đất áp đảo</li> <li>Sau 2021, các Nhà đầu tư có xu hướng Thuê xưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập trung tại phía Bắc &amp; Nam (Bắc Ninh, Đồng Nai, Long An, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bình Dương)</li> <li>Đa số tập trung gần hoặc rất gần đường cao tốc (&lt;30 km)</li> <li>Khoảng cách đến Cảng biển và Sân bay ở mức gần và trung bình (&lt;70 km).</li> </ul>	Đa số các dự án lựa chọn các địa điểm có: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công suất nước cấp từ <b>25.000</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> <li>Công suất nước thải từ <b>10.000</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> </ul>
<b>Sản xuất Linh &amp; Phụ kiện – Cấp 1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hàn Quốc</li> <li>Nhật Bản,</li> <li>Trung Quốc</li> <li>Hồng Kông</li> </ul>	Đa số các dự án có vốn đầu tư từ <b>7 triệu USD</b> trở xuống	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước 2022, các dự án Thuê đất áp đảo</li> <li>Sau 2022, các Nhà đầu tư có xu hướng Thuê xưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập trung tại phía Bắc &amp; Nam (Đồng Nai, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Long An, Hà Nam)</li> <li>Đa số (75%) tập trung gần hoặc rất gần đường cao tốc (&lt;30 km)</li> <li>Khoảng cách đến Cảng biển và Sân bay ở mức gần và trung bình (&lt;70 km)</li> </ul>	Đa số các dự án lựa chọn các địa điểm có: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công suất nước cấp từ <b>24.225</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> <li>Công suất nước thải từ <b>10.000</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> </ul>
<b>Sản xuất &amp; Lắp ráp</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trung Quốc</li> <li>Hàn Quốc</li> <li>Nhật Bản,</li> <li>Hồng Kông</li> <li>Singapore</li> </ul>	Đa số các dự án có vốn đầu tư từ <b>6.2 triệu USD</b> trở xuống	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trước 2022, các dự án Thuê đất áp đảo</li> <li>Sau 2022, các Nhà đầu tư có xu hướng Thuê xưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tập trung tại phía Bắc &amp; Nam (Bắc Ninh, Bình Dương, Hải Dương, Hải Phòng, Đồng Nai)</li> <li>Đa số tập trung gần hoặc rất gần đường cao tốc (&lt;30 km)</li> <li>Phần lớn có khoảng cách trung bình đến sân bay (&gt;30 km và &lt;70 km)</li> </ul>	Đa số các dự án lựa chọn các địa điểm có: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công suất nước cấp từ <b>30.000</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> <li>Công suất nước thải từ <b>12.000</b> m<sup>3</sup>/ngày/đêm trở xuống</li> </ul>

## PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

### 3. Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn

#### 3.1. Các hiệp định thương mại tự do đã ký kết & Chính sách ưu đãi về thuế suất nhập khẩu

Hiện tại Việt Nam đã tham gia và ký kết **16 FTAs** ở cả cấp độ song phương và đa phương với nhiều bên, thiết lập mối quan hệ thương mại tự do với nhiều nền kinh tế hàng đầu trên thế giới.



ACFTA

Hiệu lực từ 2003



AKFTA

Hiệu lực từ 2007



AJCEP

Hiệu lực từ 2008



VJEPA

Hiệu lực từ 2009



AIFTA

Hiệu lực từ 2010



AANZFTA

Hiệu lực từ 2010



VCFTA

Hiệu lực từ 2014



VKFTA

Hiệu lực từ 2015



VN – EAEU  
FTA

Hiệu lực từ 2016



CPTPP

Hiệu lực từ 30/12/2018,  
hiệu lực tại Việt Nam từ  
from 14/1/2019



AHKFTA

Hiệu lực cho tất cả  
các quốc gia thành  
viên từ 12/02/2021



EVFTA

Hiệu lực từ  
01/08/2020



UKVFTA

Hiệu lực từ  
01/05/2021



RCEP

Hiệu lực từ 01/01/2022



VIFTA

Chính thức được  
ký từ 25/07/2023



ATIGA

Hiệu lực từ  
17/05/2010

#### Chính sách ưu đãi về thuế suất nhập khẩu:

*Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc thiết bị làm tài sản cố định phục vụ cho nhu cầu sản xuất, vận hành:*

- Thuế nhập khẩu: Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu khi nhập khẩu hàng hóa để tạo tài sản cố định của dự án thuộc trường hợp ưu đãi đầu tư. Ngược lại, sẽ phải nộp thuế nhập khẩu tương ứng.

*Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu máy móc thiết bị với mục đích thương mại:*

- Thuế nhập khẩu: thuế suất từ 0%-7.5% tùy loại (áp dụng 0% đối với loại máy móc thiết bị trong nước chưa sản xuất được)

Các loại máy móc, thiết bị, linh phụ kiện trong nước đã sản xuất được được quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023.

### PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

## 3. Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn

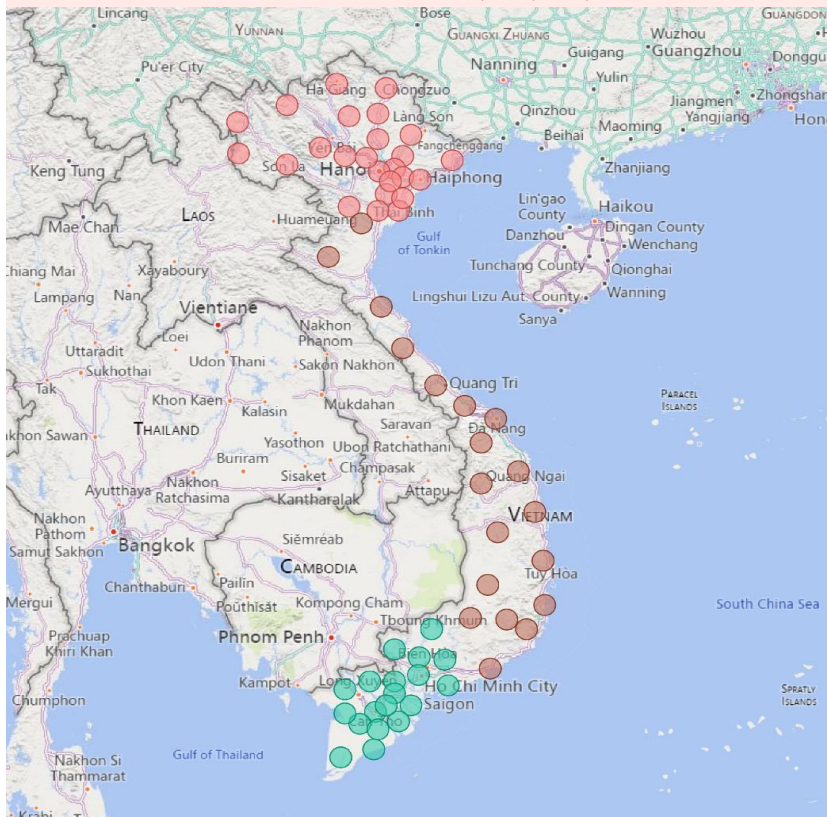
### 3.2. Chính sách ưu đãi đầu tư chung

Thuế thu nhập doanh nghiệp (Corporate Income Tax – CIT)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>Thuế thông thường</b>	<b>20%</b>																		
<b>Đối với các dự án mới tại khu công nghiệp:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp dụng cho doanh nghiệp (DN) từ năm đầu tiên có doanh thu</li> <li>• Với trường hợp công ty có thua lỗ liên tiếp trong 3 năm đầu kể từ năm thành lập thì áp dụng từ năm thứ 4 trở đi</li> </ul>	<b>0%</b>						<b>10%</b>											<b>20%</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đối với các dự án trong Khu kinh tế:</li> <li>• Dự án thuộc lĩnh vực: Công nghệ cao, Nghiên cứu khoa học và công nghệ</li> <li>• Các dự án vốn đầu tư trên 6 tỷ đồng</li> </ul>	<b>0%</b>									<b>5%</b>			<b>10%</b>			<b>20%</b>			

### PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

#### 4. Cơ sở hạ tầng bất động sản công nghiệp đa dạng, sẵn sàng thu hút đầu tư

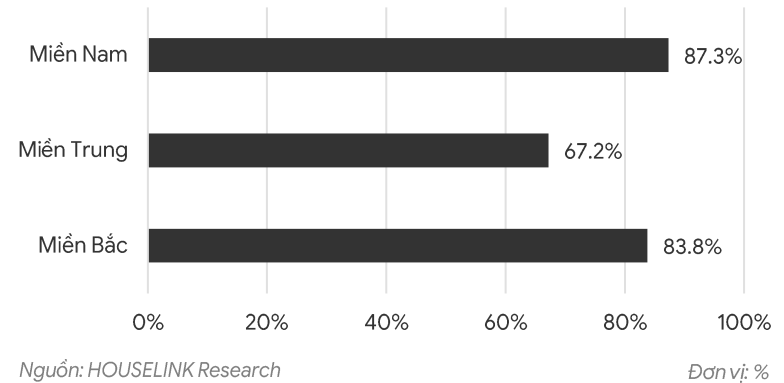
**BẢN ĐỒ KHU CÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM**



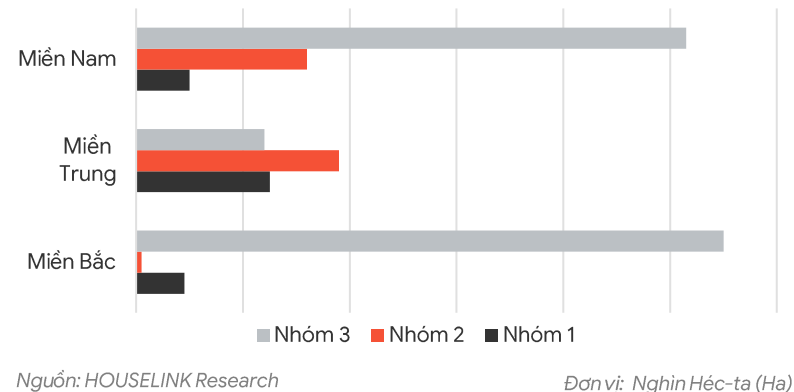
Các khu công nghiệp ở Việt Nam phân bố tại khắp các tỉnh, thành phố, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ.

Hầu hết các khu công nghiệp đều có vị trí rất thuận lợi, gần đường cao tốc, cảng biển và sân bay. Với lợi thế đường bờ biển dài và cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ được đặc biệt chú trọng đầu tư, 58% và 46% các khu công nghiệp đang hoạt động chỉ cách cao tốc và cảng biển dưới 30km, rất thuận lợi cho các dự án triển khai và vận hành.

Tính đến hết năm 2022, tỷ lệ lấp đầy ở miền Bắc và miền Nam khá cao: Miền Nam (87,23), Miền Bắc (83,76%) và Miền Trung (67,2%).



Diện tích đất sạch còn lại sẵn sàng cho thuê (tính đến cuối năm 2022 đạt 35.2 Nghìn ha



**PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ**

**4. Cơ sở hạ tầng bất động sản công nghiệp đa dạng, sẵn sàng thu hút đầu tư**

**Định hướng phát triển Loại hình Khu công nghiệp**

(Theo Dự thảo Luật Khu công nghiệp, Khu kinh tế tại Quyết định số 7304/BKHĐT-QLKKT)

**Khuyến khích phát triển loại hình Khu công nghiệp sinh thái**

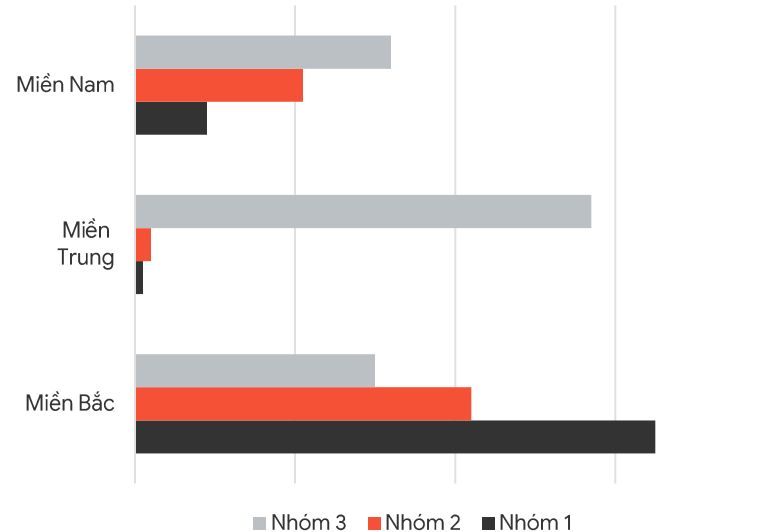
**Phát triển Khu công nghiệp hỗ trợ, chuyên ngành**

**Phát triển Khu công nghiệp công nghệ cao**

Về diện tích đất công nghiệp bổ sung mới phân loại theo các nhóm khoảng cách tới các thành phố lớn tại các vùng miền: Miền Bắc chiếm nguồn cung đất công nghiệp thuộc nhóm 1 và 2 (cách Hà Nội hoặc Hải Phòng lần lượt dưới 30 km và từ 30 – dưới 70 km) nhiều nhất cả nước. Quỹ đất công nghiệp thuộc nhóm 3 nằm nhiều nhất tại khu vực miền Trung với khoảng cách tới thành phố lớn của vùng – Đà Nẵng trên 70 km.

**Diện tích đất công nghiệp bổ sung mới (tính đến cuối năm 2022)**

**25.9 NGHÌN HA**



Nguồn: HOUSELINK Research

Đơn vị: Nghìn Héc-ta (Ha)

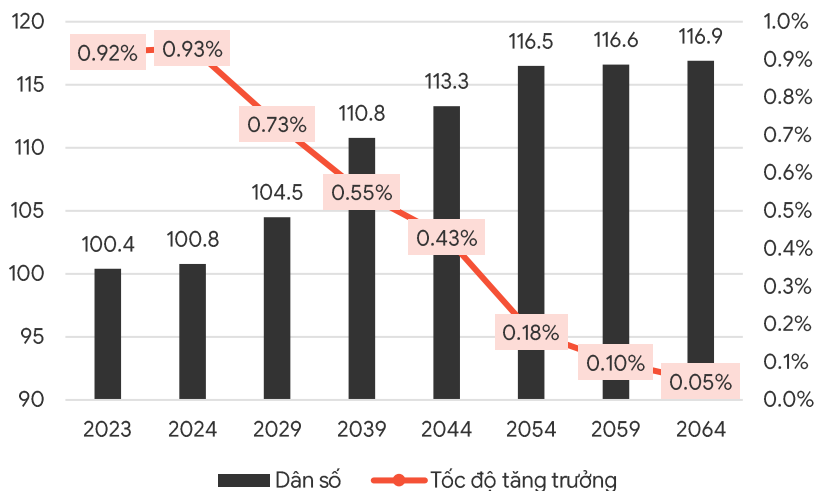
### PHẦN 3: CÁC YẾU TỐ THUẬN LỢI GIÚP VIỆT NAM ĐẨY MẠNH THU HÚT ĐẦU TƯ

## 5. Các yếu tố khác

Dân số trung bình của Việt Nam năm 2023 đạt 100.4 triệu người. Tốc độ tăng dân số đang có xu hướng giảm đi khi tỷ lệ sinh của hầu hết các tỉnh thành đều giảm trong những năm vừa qua. Dự báo đến năm 2029, dân số Việt Nam vào khoảng 104.5 triệu người, bắt đầu bước vào giai đoạn giảm tốc độ tăng trưởng dân số.

Hiện tại Việt Nam vẫn đang ở thời kỳ dân số vàng và có 68% dân số đang trong độ tuổi lao động (66.6 triệu người – Theo Tổng cục Thống kê). Trong đó hơn 63% người lao động đang ở trong độ tuổi 25 - 49 tuổi (Theo TCTK), là độ tuổi đã có kinh nghiệm làm việc và kỹ năng chuyên môn tốt.

**Biểu đồ: Dự báo dân số và mức tăng dân số của Việt Nam, 2023 – 2064 (Triệu người, %)**

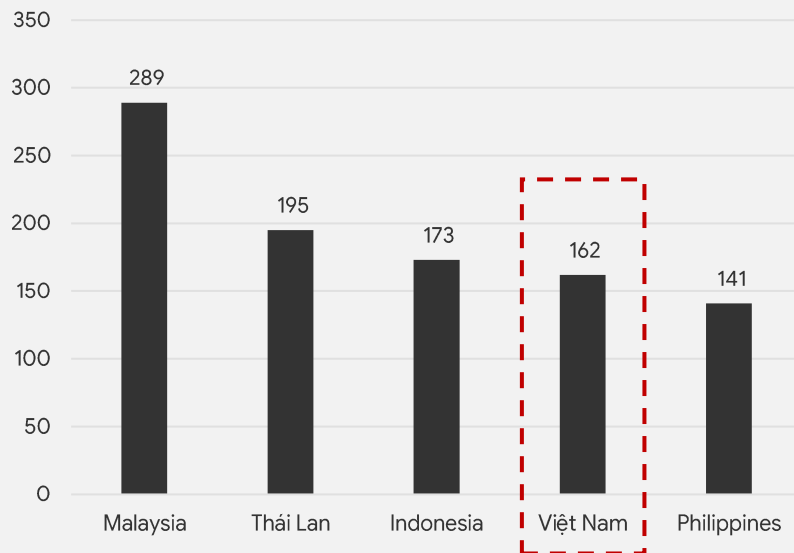


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính đến cuối năm 2022, mức lương tối thiểu trung bình của Việt Nam ở mức 162 USD/tháng, đây là mức lương tối thiểu thấp so với các nước trên thế giới (đứng thứ 159/167 quốc gia được khảo sát bởi Picodi, Bộ lao động Mỹ).

So với một số nước trong khu vực ASEAN, mức lương tối thiểu trung bình của Việt Nam cũng chỉ ở mức trung bình, chỉ cao hơn Philippines và thấp hơn phần lớn các nước khác như Malaysia, Thái Lan, Indonesia. Đây là một trong những lợi thế rất lớn của Việt Nam trong thu hút đầu tư FDI.

**Biểu đồ: Lương tối thiểu trung bình trên tháng của các quốc gia ASEAN, 2022 (USD)**



Nguồn: Picodi, Bộ Lao động Mỹ, HOUSELINK Research

## MỘT SỐ DỰ ÁN ĐIỂN HÌNH



**Pebsteel**

**Địa điểm:** KCN Hồ Nai, Đồng Nai, Việt Nam

**Loại hình đầu tư:** FDI

**Diện tích:** 49,000 m<sup>2</sup>

**Liên hệ:** (+84) 908 883 531

| marketing@pebsteel.com.vn

*Dự án NHÀ MÁY SẢN XUẤT LINH KIỆN CHÍNH XÁC*



**Pebsteel**

**Địa điểm:** KCN Phú An Thạnh, Long An, Việt Nam

**Loại hình đầu tư:** DDI

**Diện tích:** 75,000 m<sup>2</sup>

**Liên hệ:** (+84) 908 883 531

| marketing@pebsteel.com.vn

*Dự án NHÀ KHO VÀ XƯỞNG CHO THUÊ*



**BlueScope**

**Tôn Colorbond**

**Địa điểm:** Nghệ An

**Nhà đầu tư:** CTY TNHH Goertek Vina

**Vật liệu:** Tôn COLORBOND<sup>®</sup> (phần vách) & ZINCALUME<sup>®</sup> (phần mái)

**Liên hệ:** (+84) 25 4 3922 666 – colorbond@bluescope.com.vn

*Dự án NHÀ MÁY GOERTEK VINA*



**BlueScope**

**Tôn Colorbond**

**Địa điểm:** Hưng Yên

**Nhà đầu tư:** Công ty Cổ phần Thiết bị điện Hàn Quốc

**Vật liệu:** ZINCALUME<sup>®</sup> (phần mái)

**Giải pháp sóng tôn:** LYSAGHT<sup>®</sup> KLIP-LOK<sup>®</sup> OPTIMA<sup>™</sup> (phần mái)

**Liên hệ:** (+84) 25 4 3922 666 – colorbond@bluescope.com.vn

*Dự án NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY CÁP ĐIỆN*



**ATAD**

**Địa điểm:** Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

**Diện tích:** 51,000 m<sup>2</sup>

**Phạm vi công việc:** Sản xuất & Lắp đặt

**Liên hệ:** (+84) 28 3926 0666 – sales@atad.vn

*Dự án NHÀ KHO CHO THUÊ LONG SƠN WH3*



**ATAD**

**Địa điểm:** KCN Long Sơn, Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

**Quy mô:** 21,500 tấn

**Phạm vi công việc:** Thiết kế chi tiết & Chế tạo

**Liên hệ:** (+84) 28 3926 0666 – sales@atad.vn

*Dự án TỔ HỢP HOÁ DẦU LONG SƠN*



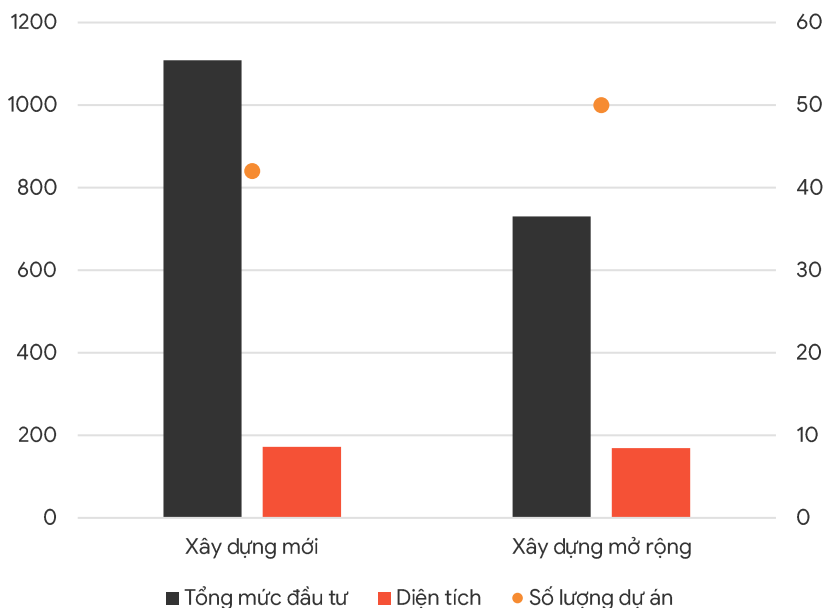
## IV. CÁC DỰ ÁN MÁY MÓC – THIẾT BỊ SẮP TRIỂN KHAI

*Phần nội dung này tập trung phân tích những dự án đầu tư máy móc & thiết bị từ nguồn vốn FDI và DDI, mỗi dự án có vốn đầu tư từ 2 triệu USD trở lên và đã được xác thực trên hệ thống HOUSELINK. Các dự án đều đang trong quá trình chuẩn bị xây dựng (Chuẩn bị dự án, Thiết kế, Đấu thầu, Chọn nhà thầu chính)*

## PHẦN 4: CÁC DỰ ÁN MÁY MÓC – THIẾT BỊ SẴP TRIỂN KHAI

Các dự án máy móc & thiết bị chuẩn bị triển khai tại Việt Nam đạt khoảng hơn 90 dự án. Trong đó, các dự án mở rộng có mức vốn trung bình nhỉnh hơn một chút so với các dự án xây dựng mới. Tuy nhiên sự chênh lệch về số lượng dự án chuẩn bị triển khai của hai loại hình này không quá lớn. Cả hai loại hình xây dựng đều có sự xuất hiện của các dự án lớn với quy mô vốn hàng trăm triệu USD nhưng số lượng không nhiều. Bên cạnh các chủ đầu tư hiện hữu mở rộng sản xuất, Việt Nam vẫn ghi nhận nhiều chủ đầu tư mới lựa chọn Việt Nam làm điểm đến đầu tư.

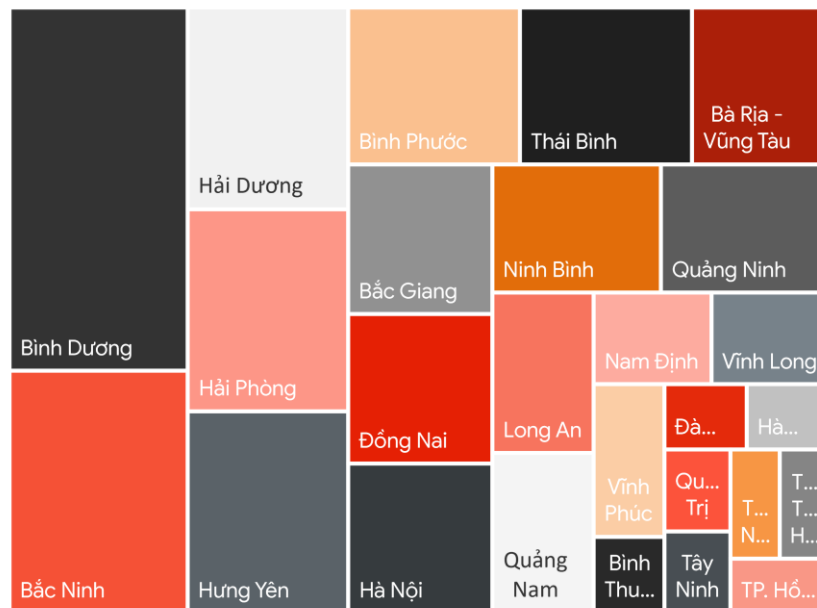
**Biểu đồ: Tổng quan dự án Máy móc – Thiết bị chuẩn bị xây dựng phân theo loại hình (Triệu USD, Héc-ta)**



Nguồn: HOUSELINK Data

Các dự án máy móc thiết bị chuẩn bị triển khai phân bố ở khắp ba miền. Nhưng miền Bắc là khu vực tập trung nhiều dự án máy móc và thiết bị nhất với hơn 50% dự án đầu tư vào khu vực này. Đặc biệt các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng và Hưng Yên là các tỉnh thành thu hút nhiều dự án nhất của khu vực miền Bắc. Đây cũng là khu vực thu hút lượng vốn đầu tư cao nhất trong ngành. Khu vực miền Nam đứng thứ hai về số lượng dự án, nhưng lại xếp thứ ba về tổng vốn đầu tư, chủ yếu là các dự án đầu tư nước ngoài, nổi bật có tỉnh Bình Dương trong thời gian tới sẽ khá sôi động với các dự án chuẩn bị triển khai tại đây.

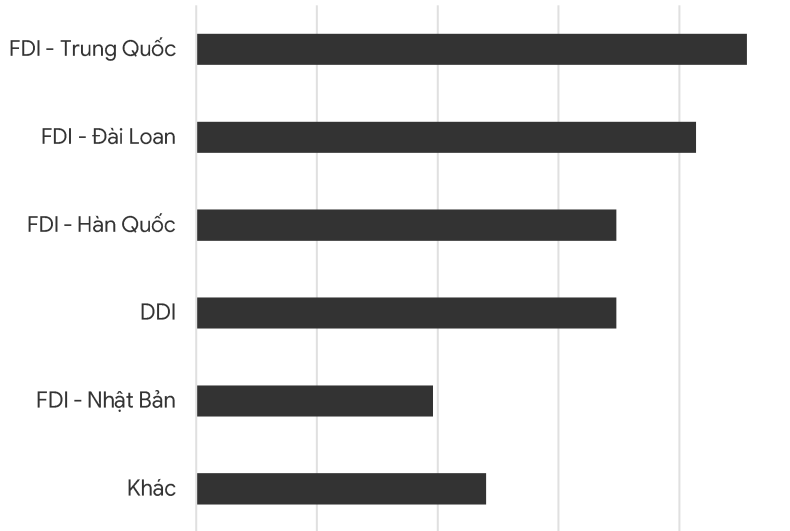
**Biểu đồ: Phân bố số lượng dự án chuẩn bị xây dựng theo tỉnh thành**



Nguồn: HOUSELINK Data

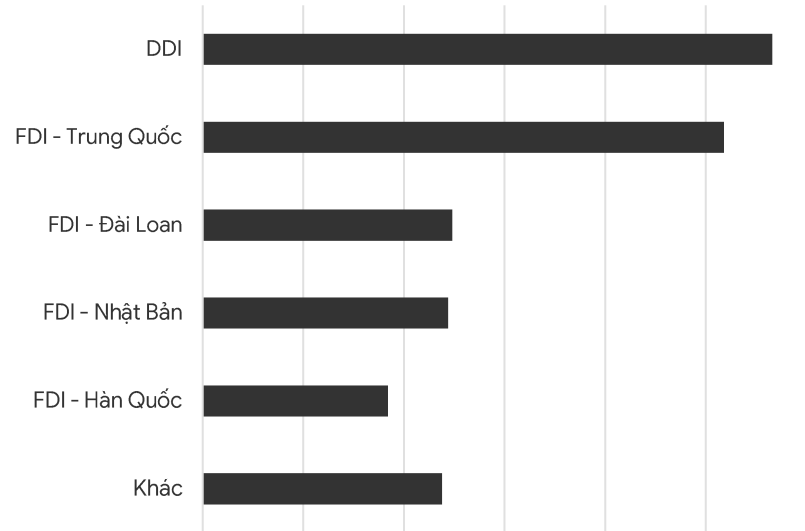
## PHẦN 4: CÁC DỰ ÁN MÁY MÓC – THIẾT BỊ SẴP TRIỂN KHAI

**Biểu đồ: Loại hình vốn đầu tư theo số lượng dự án**



Nguồn: HOUSELINK Data

**Biểu đồ: Loại hình vốn đầu tư theo tổng mức đầu tư**



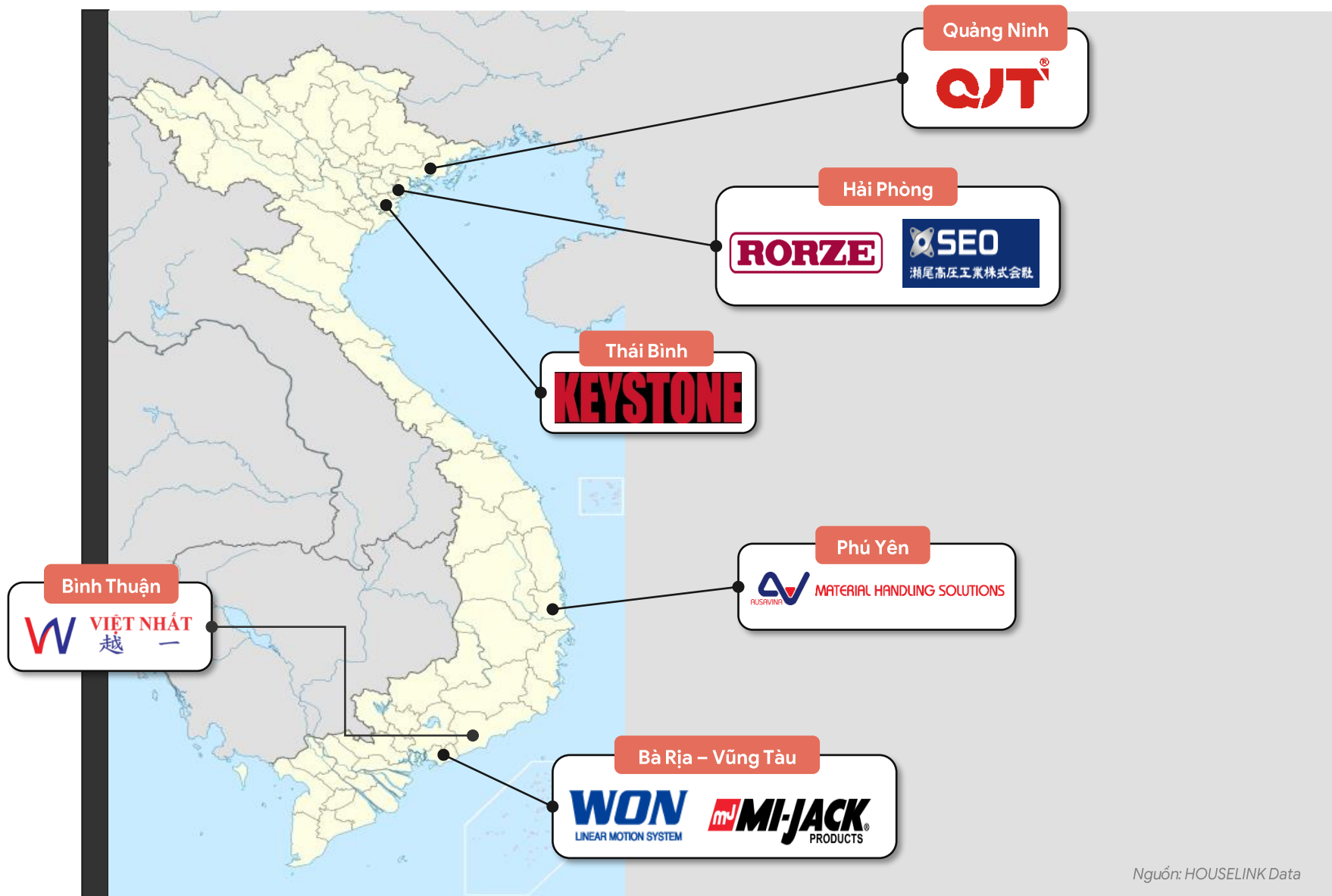
Nguồn: HOUSELINK Data

- Các dự án vốn trên 2 triệu USD chuẩn bị xây dựng được đầu tư bởi nguồn vốn trong nước chiếm tỷ trọng cao nhất về tổng mức đầu tư, trong khi số lượng chỉ đứng thứ tư.
- Trong khi đó các dự án Trung Quốc dẫn đầu về số lượng dự án chuẩn bị triển khai nhưng tổng mức đầu tư đứng hai sau nguồn vốn trong nước DDI. Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản cũng là ba quốc gia có nhiều dự án máy móc thiết bị chuẩn bị triển khai.
- Có thể thấy đa số các dự án chuẩn bị triển khai được đầu tư bởi các nước Đông Á và các nhà đầu tư trong nước cũng đang rất tích cực tham gia vào chuỗi cung ứng ngành bằng việc triển khai các dự án quy mô lớn.



**V. MỘT SỐ DỰ ÁN MÁY MÓC –  
THIẾT BỊ NỔI BẬT TẠI VIỆT NAM**

## PHẦN 5: MỘT SỐ DỰ ÁN MÁY MÓC - THIẾT BỊ NỔI BẬT TẠI VIỆT NAM



Nguồn: HOUSELINK Data

Báo cáo được tài trợ bởi:



**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP ATAD**



Tôn Colorbond

**CÔNG TY TNHH NS BLUESCOPE  
VIỆT NAM**



**CÔNG TY TNHH NHÀ THÉP PEB**

## CAM KẾT

Chúng tôi, bộ phận nghiên cứu và phân tích thị trường của Công ty Cổ phần HOUSELINK, cam kết rằng các thông tin đưa ra trong báo cáo này được xử lý một cách chân thực và chuẩn mực nhất.

Chúng tôi cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp ở mức độ cao nhất có thể đạt được.

Bản quyền báo cáo này thuộc về Công ty cổ phần HOUSELINK. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn mà HOUSELINK coi là đáng tin cậy, có sẵn và hợp pháp.

HOUSELINK không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của HOUSELINK. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này lưu ý các nhận định trong báo cáo mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích HOUSELINK. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của HOUSELINK.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HOUSELINK

Tầng 9, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

(+84) 966 222 490 | [info@houselink.com.vn](mailto:info@houselink.com.vn) | <https://houselink.com.vn/>

